



xià tǐ

下体

noun · lower body; genitals

Example Sentences

Tā xià tǐ shòu shāng le
他下体受伤了。

He injured his lower body.

Yī shēng jiǎn chá le tā de xià tǐ méi yǒu fā xiàn yì cháng
医生检查了他的下体，没有发现异常。

The doctor examined his lower body and found nothing abnormal.

Trace each character, then write the word on your own.

下	下	下	下	下	下						
体	体	体	体	体	体	体	体	体	体		